

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết ban hành về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngàytháng ... năm 2026.

2. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo);

CHỦ TỊCH

- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa ...;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

QUY ĐỊNH

Quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai được quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15. Cụ thể như sau:

a) Quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được quy định tại các điểm a, đ, e, i và k khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).

2. Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chương trình, nhiệm vụ). Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân loại nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP); Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng

lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).

b) Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là hoạt động hỗ trợ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;
2. Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;
3. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ; hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý, triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng định mức, lập dự toán chi kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung quản lý, triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học trên địa bàn tỉnh

1. Các định mức lập dự toán chi kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho một số nội dung chi quản lý, triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Áp dụng mức chi tối đa quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 6; khoản 1 Điều 11; khoản 3 Điều 15; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết này đối với thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học theo cơ chế Quỹ.

b) Áp dụng mức chi tối đa 80% quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 6; khoản 1 Điều 11; khoản 3 Điều 15; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết này đối với thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường.

2. Các nội dung và định mức chi khác để quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN); Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN) và thực hiện theo các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan. Trong trường hợp các định mức chi đã có văn bản chuyên ngành quy định thì ưu tiên áp dụng các định mức chi tại văn bản đó.

3. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiêu điểm a3 của điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động áp dụng nhưng không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết này phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Điều 5. Một số nội dung chi cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP) và Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP) và một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được quy định tại các điểm a, đ, e, i và k khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP như sau:

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.200
	Thư ký khoa học		240
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		560

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		800
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		560
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		400
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.200
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800
	Thư ký khoa học		240
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		560
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200
	Thư ký khoa học		240
	Thư ký hành chính		240
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		560
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		800
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Thư ký khoa học	Công	07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2025/TT-BNV)
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		800
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia;	Chuyên gia	1.200

b) Dự toán chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 150% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV.

c) Dự toán chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt được áp dụng tối đa bằng 200% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV.

d) Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng 80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

đ) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh

giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND);

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

c) Dự toán chi tiền thù lao cho tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của tổ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 560.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 4.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi.

6. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Gia Lai có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng

công việc và các quy định của pháp luật có liên quan được thực hiện theo khoản 7 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN.

8. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh Gia Lai được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng nghị quyết quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND).

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan;

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây gọi tắt là Thông tư số 140/2025/TT-BTC); Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 7. Thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập để thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiêu chí xác định chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập trong nước và tổ chức tư vấn độc lập được áp dụng theo Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN.

2. Dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập được áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN.

Mục 2

Nội dung và mức chi, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

Điều 8. Các nội dung chi cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 9. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 10. Thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

2. Định mức thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 11. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 12. Xác định dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng tối đa không quá 56 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ; đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối

đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN

3. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 13. Xác định dự toán chi thuê chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Áp dụng theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 14. Dự toán chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 15. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 16. Dự toán chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

2. Dự toán phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học áp dụng theo khoản 5 Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 17. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 18. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND.

Điều 19. Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn áp dụng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

Điều 20. Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế áp dụng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 21. Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở:

1. Số lượng thành viên tham gia đánh giá, địa điểm đánh giá, phương thức đánh giá.

2. Mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 22. Dự toán chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 23. Dự toán chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác) áp dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 24. Dự toán chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tổ chức chủ trì.

2. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 25. Dự toán chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có) áp dụng theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Mục 3

Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

Điều 26. Các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo:

Ngoài các nội dung chi quy định tại Mục 1 Chương II Nghị quyết này, chi thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm các nội dung chi sau:

a) Chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Thông tư 39/2025/TT-BKHCN.

b) Chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, bao gồm:

b1) Dự toán chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm được xác định trên cơ sở thuyết minh quy trình công nghệ dự kiến để xác định yêu cầu kỹ thuật của thiết bị đo lường, kiểm soát chất lượng; giá lập dự toán được căn cứ bằng một trong các cách sau: giá công bố; báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán hoặc giá được duyệt của thiết bị tương đương đã được phê duyệt ở nhiệm vụ đổi mới sáng tạo khác.

b2) Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ được xác định theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này.

c) Chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên), bao gồm:

c1) Dự toán chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng được xác định căn cứ theo: Số lượng mẻ sản xuất thử nghiệm và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng tiêu hao mỗi lần sản xuất thử nghiệm dự kiến;

c2. Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), giá niêm yết trên thị trường và báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

d) Chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư 39/2025/TT-BKHCN.

đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới được xác định căn cứ thuyết minh nội dung công việc, báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước và ngoài nước tại thời điểm lập dự toán.

e) Chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm, bao gồm:

e1) Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc cần thuê, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan;

e2) Dự toán thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm được xây dựng trên cơ sở thuyết minh số lượng thí nghiệm và thử nghiệm dự kiến, yêu cầu máy móc, trang thiết bị của phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan.

g) Chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hoá tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới được xác định dựa trên các căn cứ thuyết minh nội dung công việc và báo giá của đơn vị tư vấn, đơn vị thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng hoặc báo giá của tổ chức khoa học và công nghệ tại thời điểm lập dự toán.

h) Chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá: Thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Thông tư 39/2025/TT-BKHCN.

i) Chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước được xác định dựa trên một trong các căn cứ sau:

i1) Thuyết minh về số lượng thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá sản phẩm dự kiến;

i2) Báo giá hoặc hợp đồng nguyên tắc của đơn vị kiểm nghiệm, trung tâm thử nghiệm, hoặc báo giá của tổ chức có năng lực tại thời điểm lập dự toán;

i3) Định mức chi (nếu có) hoặc giá dịch vụ tương đương trên thị trường tại thời điểm lập dự toán cho các nội dung sau: thử nghiệm sản phẩm tại phòng thí nghiệm được công nhận; kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa lý, cơ lý, sinh học, độ bền, độ ổn định; đánh giá mức độ phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật; thử nghiệm sản phẩm mẫu trong điều kiện sản xuất thực tế.

k) Chi hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.